Họ và tên: ……

Lớp: ……

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 2

Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(*Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng*)

Câu 1. Với ba chữ số 3, 4, 6 những số lẻ có thể viết là:

A. 463 và 346 **B.** 463 và 643 **C.** 643 và 346 **D.** 463 và 364

Câu 2. Người ta đóng 27 chiếc bánh vào 3 hộp đều nhau. Hỏi 4 104 chiếc bánh thì đóng được bao nhiêu hộp bánh như thế?

A. 456 hộp **B.** 420 hộp **C.** 385 hộp **D.** 386 hộp

Câu 3. Cho biểu đồ sau:

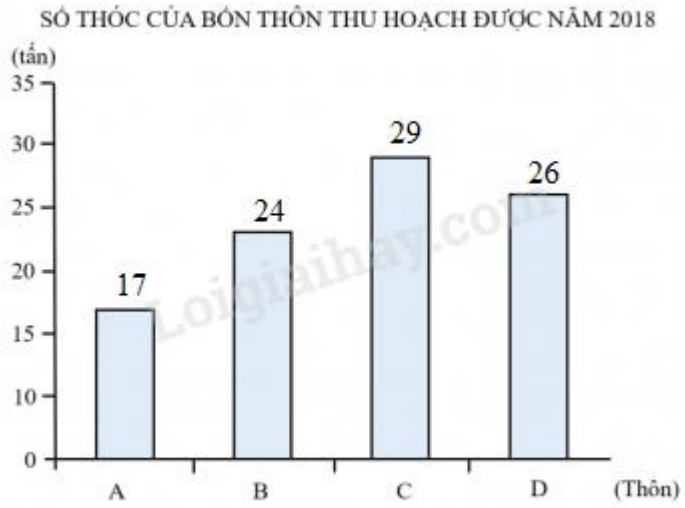

Trung bình mỗi thôn thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc?

A. 22 tấn **B.** 24 tấn **C.** 25 tấn **D.** 26 tấn

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 8 m^2 4 cm^2 = …….. cm^2 là:

A. 804 **B.** 8 004 **C.** 80 004 **D.** 8 040

Câu 5. Biểu thức 120 : (5 – a) có giá trị nhỏ nhất khi a bằng:

A. 4 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 0

Câu 6. Đàn vịt nhà bác Tư có 2 300 con. Đàn vịt nhà bác Năm có ít hơn đàn vịt nhà bác Tư 300 con. Đàn vịt nhà bác Ba có nhiều hơn đàn vịt nhà bác Năm 500 con. Hỏi nhà ba bác có tất cả bao nhiêu con vịt?

A. 6 700 con vịt **B.** 6 800 con vịt

C. 4 500 con vịt **D.** 4 300 con vịt

Câu 7. Một hộp có 3 quả bóng màu đỏ và 2 quả bóng màu xanh có cùng kích thước. Không nhìn vào hộp, Tuấn lấy ra một quả bóng. Tìm phát biểu đúng.

A. Tuấn chắc chắn lấy được quả bóng màu đỏ.

B. Tuấn chắc chắn lấy được quả bóng màu xanh.

C. Tuấn có thể lấy được quả bóng màu đỏ.

D. Tuấn không thể lấy được quả bóng màu xanh.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính bằng cách thuận tiện

a) 1 542 + 2 816 + 5 184 + 1 458

b) 5 430 + (13 128 + 570)

.....

.....

.....

c) 126 × 5 + 126 × 3 + 126 × 2

d) 2 x 38 x 5

.....

.....

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + 2 058 – b x 5 với a = 302 và b = 45

.....

.....

.....

b) a x b + 2 023 với a là số lẻ lớn nhất có một chữ số, b = 27

.....

.....

.....

Câu 3. Em dùng tờ 100 000 đồng để mua một mớ rau và 7 củ khoai lang có giá như hình bên. Hỏi người bán hàng phải trả lại em bao nhiêu tiền?

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Hải có 36 viên bi, Hà có 48 viên bi và Nam có số bi nhiều hơn trung bình cộng của Hải và Hà là 15 viên. Tính trung bình số bi của ba bạn?

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Với ba chữ số 3, 4, 6 những số lẻ có thể viết là:

A. 463 và 346 **B.** 463 và 643 **C.** 643 và 346 **D.** 463 và 364

Phương pháp

Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 là các số lẻ

Lời giải

Với ba chữ số 3, 4, 6 những số lẻ có thể viết là: 463 và 643

Chọn B

Câu 2. Người ta đóng 27 chiếc bánh vào 3 hộp đều nhau. Hỏi 4 104 chiếc bánh thì đóng được bao nhiêu hộp bánh như thế?

A. 456 hộp **B.** 420 hộp **C.** 385 hộp **D.** 386 hộp

Phương pháp

- Tìm số chiếc bánh ở mỗi hộp
- Tìm số hộp để đóng 4 104 chiếc bánh

Lời giải

Số chiếc bánh ở mỗi hộp là: 27 : 3 = 9 (chiếc bánh)

4 104 chiếc bánh thì đóng được số hộp bánh là 4 104 : 9 = 456 (hộp)

Chọn A

Câu 3. Cho biểu đồ sau:

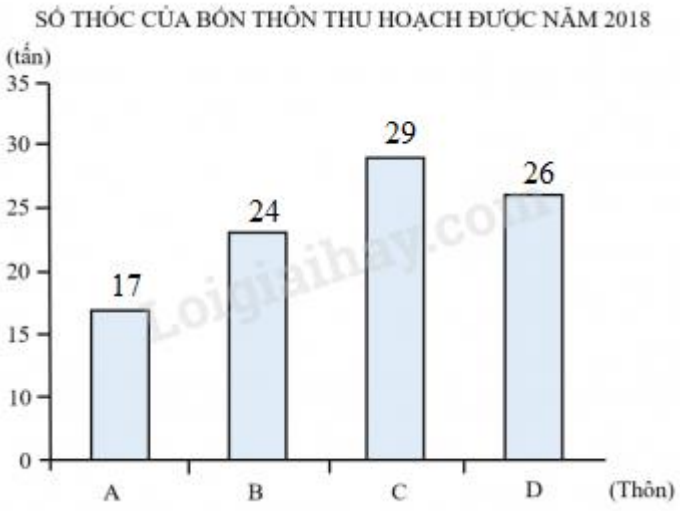

Trung bình mỗi thôn thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc?

A. 22 tấn **B.** 24 tấn **C.** 25 tấn **D.** 26 tấn

Phương pháp

Số tấn thóc mỗn thôn thu hoạch = tổng số tấn thóc của 4 thôn thu hoạch được : 4

Lời giải

Trung bình mỗi thôn thu hoạch được số tấn thóc là:

(17 + 24 + 29 + 26) : 4 = 24 (tấn)

Đáp số: 24 tấn

Chọn B

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 8 m^2 4 cm^2 = …….. cm^2 là:

A. 804 **B.** 8 004 **C.** 80 004 **D.** 8 040

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 m^2 = 10 000 cm^2

8 m^2 4 cm^2 = 80 000 cm^2 + 4 cm^2 = 80 004 cm^2

Lời giải

8 m^2 4 cm^2 = 80 000 cm^2 + 4 cm^2 = 80 004 cm^2

Chọn C

Câu 5. Biểu thức 120 : (5 – a) có giá trị nhỏ nhất khi a bằng:

A. 4 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 0

Phương pháp

Thay chữ bằng số vào biểu thức rồi tính

Lời giải

Biểu thức 120 : (5 – a) có giá trị nhỏ nhất khi a bằng 0

Chọn D

Câu 6. Đàn vịt nhà bác Tư có 2 300 con. Đàn vịt nhà bác Năm có ít hơn đàn vịt nhà bác Tư 300 con. Đàn vịt nhà bác Ba có nhiều hơn đàn vịt nhà bác Năm 500 con. Hỏi nhà ba bác có tất cả bao nhiêu con vịt?

A. 6 700 con vịt **B.** 6 800 con vịt

C. 4 500 con vịt **D.** 4 300 con vịt.

Phương pháp

- Tìm số vịt nhà bác Năm
- Tìm số vịt nhà bác Ba
- Tìm tổng số vịt nhà ba bác có tất cả

Lời giải

Số vịt nhà bác Năm là:

2 300 – 300 = 2 000 (con)

Số vịt nhà bác Ba là:

2 000 + 500 = 2 500 (con)

Nhà ba bác có tất cả số con vịt là:

2 300 + 2 000 + 2 500 = 6 800 (con)

Đáp số: 6 800 con vịt

Chọn B

Câu 7. Một hộp có 3 quả bóng màu đỏ và 2 quả bóng màu xanh có cùng kích thước. Không nhìn vào hộp, Tuấn lấy ra một quả bóng. Tìm phát biểu đúng.

A. Tuấn chắc chắn lấy được quả bóng màu đỏ.

B. Tuấn chắc chắn lấy được quả bóng màu xanh.

C. Tuấn có thể lấy được quả bóng màu đỏ.

D. Tuấn không thể lấy được quả bóng màu xanh.

Phương pháp

Xác định khả xăng có thể xảy ra khi lấy 1 quả bóng trong hộp.

Lời giải

Khả năng có thể xảy ra là: Tuấn có thể lấy được quả bóng màu đỏ.

Chọn C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính bằng cách thuận tiện

a) 1 542 + 2 816 + 5 184 + 1 458

b) 5 430 + (13 128 + 570)

c) 126 × 5 + 126 × 3 + 126 × 2

d) 2 x 38 x 5

Phương pháp

- Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng, phép nhân để nhóm các số tròn nghìn với nhau.

- Áp dụng công thức: a x b + a x c + a x d = a x (b + c + d)

Lời giải

a) 1 542 + 2 816 + 5 184 + 1 458 = (1 542 + 1 458) + (2 816 + 5 184)

= 3 000 + 8 000

= 11 000

b) 5 430 + (13 128 + 570) = (5 430 + 570) + 13 128

= 6 000 + 13 128

= 19 128

c) 126 × 5 + 126 × 3 + 126 × 2 = 126 x (5 + 3 + 2)

= 126 x 10 = 1 260

d) 2 x 38 x 5 = 38 x (2 x 5) = 38 x 10 = 380

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + 2 058 – b x 5 với a = 302 và b = 45

b) a x b + 2 023 với a là số lẻ lớn nhất có một chữ số, b = 27

Phương pháp

Thay chữ bằng số rồi tính giá trị của biểu thức

Lời giải

a) Với a = 302 và b = 45 thì a + 2 058 – b x 5 = 302 + 2 058 – 45 x 5

= 2 360 – 225

= 2 135

b) Số lẻ lớn nhất có một chữ số là 9 nên a = 9

Với a = 9, b = 27 thì a x b + 2 023 = 9 x 27 + 2 023

= 243 + 2 023

= 2 266

Câu 3. Em dùng tờ 100 000 đồng để mua 1 mớ rau và 7 củ khoai lang có giá như hình bên. Hỏi người bán hàng phải trả lại em bao nhiêu tiền?

Phương pháp

- Tìm số tiền mua 7 củ khoai
- Tìm số tiền mua 1 mớ rau và 7 củ khoai lang
- Tìm số tiền người bán hàng phải trả lại

Lời giải

Số tiền mua 7 củ khoai lang là:

7 000 x 7 = 49 000 (đồng)

Số tiền mua 1 mớ rau và 7 củ khoai lang là:

24 000 + 49 000 = 73 000 (đồng)

Người bán hàng phải trả lại em số tiền là:

100 000 – 73 000 = 27 000 (đồng)

Đáp số: 27 000 đồng

Câu 4. Hải có 36 viên bi, Hà có 48 viên bi và Nam có số bi nhiều hơn trung bình cộng của Hải và Hà là 15 viên. Tính trung bình số bi của ba bạn?

Phương pháp

- Tìm trung bình cộng số bi của Hải và Hà = (Số bi của Hải + Số bi của Hà) : 2
- Tìm số bi của Nam = Trung bình cộng số bi của Hải và Hà + 15
- Tìm trung bình số bi của ba bạn = Tổng số bi của ba bạn : 3

Lời giải

Trung bình cộng số bi của Hải và Hà là

(36 + 48) : 2 = 42 (viên)

Số bi của Nam là

42 + 15 = 57 (viên)

Trung bình số bi của ba bạn là

(36 + 48 + 57) : 3 = 47 (viên)

Đáp số: 47 viên bi

----------HẾT----------